TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số:123/2021/HNGĐ-ST
Ngày:29-9-2021
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Chính

2. Bà Nguyễn Thị Tạc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:*** Ông Y Khang ÊBan– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 471/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 06 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2021, giữa:

-Nguyên đơn: Bà Trần Thị T– sinh năm:1982**(**Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.
-Bị đơn: Ông Ngô Văn H– sinh năm: 1977(Vắng mặt)
Nơi cư trú cuối cùng: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai nguyên đơn: **Bà Trần Thị T trình bày:**

Tôi và ông Ngô Văn H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 07/02/2001.

Sau khi kết hôn vợ chồng tôi vào Tổ dân phố 11, phường Tân An,thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk sinh sống được khoảng 04 năm.

Quá trình chung sống, giữa chúng tôi T xuyên xảy ra mâu thuẫn nên năm 2005 tôi dẫn con bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống tại tỉnh Nghệ An, vợ chồng sống ly

thân từ đó cho đến nay. Vào đầu năm 2019 tôi vào Tổ dân phố 11, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tìm ông H làm thủ tục ly hôn nhưng không tìm được, sau đó tôi đã làm thủ tục tuyên bố ông H mất tích và đã được Tòa án Buôn Ma Thuột tuyên bố ông H mất tích theo Quyết định số 13/QĐ ST-VDS ngày 29/4/2021.

Nay tôi xét thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, nên đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông H.

Về con chung: Tôi và ông H có 01 con chung là: Cháu Ngô Thị Mỹ U- sinh ngày: 12/12/2001. Từ khi ly thân cháu ở với tôi nay cháu đã lớn đủ tuổi thành niên nên không đề cập.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và ông H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay điều kiện xa xôi và do dịch bệnh COVI nên đề nghị Tòa án không hòa giải và xin xét xử vắng mặt theo quy định.

2. Bị đơn ông Ngô Văn H đã được Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tuyên bố mất tích và trong quá trình giải quyết ly hôn, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết tại Ủy ban nhân dân phường Tân An là nơi cư trú cuối cùng của ông Ngô Văn H nhưng ông H vẫn không có mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn Ngô Văn H và cũng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Quá trình chung sống, vợ chồng bà Trần Thị T và ông Ngô Văn H cùng chung sống một thời gian, sau đó ông H đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ năm 2005 cho đến nay không có tin tức gì. Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã giải quyết tuyên bố ông Ngô Văn H mất tích tại Quyết định số: 13/2019/QĐST-VDS ngày 29 tháng 4 năm 2021. Bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Ngô Văn H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đơn khởi kiện của bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với ông Ngô Văn H. Yêu cầu giải quyết của đương sự là theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Ngô Văn H nhưng ông H không lên Tòa án làm việc mà chỉ có bà Trần Thị T lên Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai của ông H cũng như tiến hành hòa giải được. Nên phiên tòa đã hoãn vào ngày 13 tháng 9 năm 2021,nay ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Sau khi kết hôn, bà T, ông H sống hạnh phúc được thời gian thì do mâu thuẫn bà T bỏ về quê sinh sống từ năm 2005 và ông H cũng bỏ đi khỏi địa phương từ 2005 cho đến nay. Bà T đã nhiều lần tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của ông H. Bà T đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tuyên bố ông H mất tích và đã được Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết tại Quyết định số: 13/2021/QĐST-VDS ngày 29 tháng 4 năm 2021 tuyên bố ông Ngô Văn H mất tích. Bà T xác định hiện nay bà không còn tình cảm vợ chồng với ông Ngô Văn H nữa nên không thể tiếp tục duy trì hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa ông H với bà T. Xét cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T.

Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Ngô Văn H có 01 con chung: Cháu Ngô Thị Mỹ U- sinh ngày: 12/12/2001, hiện cháu Uyên đã đủ tuổi thành niên nên không đề cấp giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị T pH chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị T.

Cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Ngô Văn H.

-Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà T đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0004265 ngày 18/06/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND xã Hưng Đông, Tp. Vinh Tỉnh Nghệ An
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.